

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số 584/QĐ-ĐHCNĐN ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)*

Tên ngành đào tạo : Tài chính – Ngân hàng
Mã số : 8340201
Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thành lập theo Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Đồng Nai có trụ sở tại Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3996473

Website: www.dntu.edu.vn - Email: info@dntu.edu.vn

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một cơ sở giáo dục đa ngành, đảm bảo cung cấp có uy tín và chuẩn mực về những dịch vụ về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ, kinh tế, xã hội - nhân văn nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao và chuyển giao những thành quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung.

Với sứ mệnh là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và đóng góp tích cực vào sự thay đổi lối sống, cách tư duy

- **Sứ mệnh:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.

- **Giá trị cốt lõi:** Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo

- **Triết lý giáo dục:** Chuyên nghiệp – Tận tâm – Vươn tầm hội nhập.

Sau 20 năm được thành lập và thực hiện nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

1.2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

1.2.1. Sự phù hợp về nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế

Theo các chuyên gia tại buổi hội thảo về Chất lượng Nguồn nhân lực trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong bối cảnh hội nhập, sự cạnh tranh về nguồn nhân lực chất lượng cao đang trở thành một xu thế tất yếu quyết định sự thành công cho quá trình hội nhập của đất nước hiện nay. Tình hình thực tiễn hiện nay cho thấy việc chuẩn bị và đảm bảo sự sẵn sàng của nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam vẫn chưa có những thay đổi đáng kể, và vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế so với nhu cầu của thị trường lao động.

Dự báo cho thấy, trong thời gian tới, nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam sẽ tiếp tục trở nên khan hiếm, đặc biệt đối với những vị trí chuyên gia quản lý và lãnh đạo, nếu không có những giải pháp tích cực tập trung vào việc bồi dưỡng và đào tạo nâng cao trình độ cho nguồn nhân lực trong lĩnh vực này. Bối cảnh thực tiễn này đã tạo cơ hội cho các tổ chức giáo dục đại học tại Việt Nam một lần nữa định hướng lại và phát triển các chương trình đào tạo phù hợp nhằm đảm bảo nguồn nhân lực đủ về cả số lượng và chất lượng, đáp ứng các mục tiêu quan trọng của ngành Tài chính - Ngân hàng trong giai đoạn hội nhập với quốc tế hiện nay.

Tỉnh Đồng Nai, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Việt Nam, đã thực hiện nhiều chương trình và đề án để phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động ngày càng đa dạng và nâng cao sự cạnh tranh của các doanh nghiệp. Hiện tỉnh Đồng Nai đang thu hút hơn 1,2 triệu lao động làm việc trong các khu công nghiệp, trong đó hơn 60% lao động đến từ các tỉnh khác. Với việc mở rộng và phát triển các khu công nghiệp, cảng hàng không quốc tế Long Thành sẽ hoạt động vào năm 2025, tỉnh Đồng Nai dự kiến tiếp tục thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn. Điều này đồng nghĩa với việc cần tạo ra một lượng lớn nguồn nhân lực có tay nghề chất lượng cao. Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư cho biết rằng trong tương lai, Đồng Nai sẽ tập trung vào việc thu hút đầu tư kỹ thuật và công nghệ cao, điều này đặt ra một thách thức lớn đối với các trường đào tạo để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cho doanh nghiệp. Điều này càng được thể hiện rõ hơn thông qua Nghị quyết Đại hội đại biểu

Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trong đó, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong 4 nhiệm vụ đột phá của tỉnh Đồng Nai.

Trong bối cảnh đó, việc đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Đồng Nai trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng cũng rất quan trọng. Và công tác đào tạo nhân lực chất lượng cao ở bậc sau đại học trong lĩnh vực này càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết đối với tỉnh Đồng Nai. Qua đó, góp phần đáp ứng nhu cầu về chất lượng lao động của thị trường lao động tỉnh Đồng Nai nói riêng cũng như của vùng Đông Nam bộ và cả nước nói chung trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Điều này giúp củng cố vị thế của tỉnh Đồng Nai trong sự phát triển kinh tế của vùng và đảm bảo sự cạnh tranh của lao động trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập của đất nước.

Do vậy, chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai sẽ góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng cho người học, nhằm giúp họ có đủ năng lực cần thiết để đáp ứng sự phát triển của ngành Tài chính - Ngân hàng, qua đó góp phần tăng cường sự cạnh tranh của lực lượng lao động, thu hút đầu tư và thúc đẩy sự phát triển bền vững tỉnh Đồng Nai, cũng như đáp ứng quá trình kinh tế số trong thời đại công nghệ 4.0 cùng vùng và quốc gia cùng quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

1.2.2. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một trường đa ngành, có uy tín và chuẩn mực về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực kỹ thuật- công nghệ, kinh tế, xã hội- nhân văn. Với sứ mệnh là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và đóng góp tích cực vào sự thay đổi lối sống, cách tư duy.

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.

Giá trị cốt lõi: Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo

Triết lý giáo dục: Chuyên nghiệp – Tận tâm – Vươn tầm hội nhập.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng là một bước đi đúng đắn và cần thiết giúp nhà trường đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đóng

góp tích cực vào sự thay đổi lối sống, cách tư duy và hội nhập quốc tế của cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Ngân hàng, phục vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung. Ngành đào tạo cũng sẽ thể hiện sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường, dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm, chuyên nghiệp và tận tâm.

1.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt cho sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia bên cạnh các nguồn lực khác. Chất lượng của nguồn nhân lực (kiến thức và kỹ năng) được hình thành qua quá trình học tập, đào tạo cùng với kinh nghiệm làm việc thực tiễn. Hiện nay, nền kinh tế số đang dần trở thành trụ cột cho sự phát triển bền vững của các quốc gia, và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Theo dự báo của các chuyên gia đến năm 2030, nền kinh tế sẽ phát triển gấp 11 lần so với hiện tại, và lan tỏa ở tất cả các lĩnh vực ngành nghề, bao gồm thương mại điện tử, logistics, du lịch và Tài chính - Ngân hàng. Do đó, nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức từ quá trình số hóa có liên quan đến thị trường lao động, việc làm, và tiền lương.

Công nghệ hiện đại đang thay đổi mạnh mẽ mọi khía cạnh của cuộc sống và sự vận hành của các ngành nghề. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum - WEF), khoảng 65% công việc mới trong tương lai sẽ liên quan đến cách mạng công nghiệp 4.0 và công nghệ tài chính (FinTech). Tại Việt Nam, lĩnh vực ngân hàng đã bắt đầu tiến hành cải tổ và số hóa hệ thống cung cấp dịch vụ từ việc sử dụng nền tảng số cho các giao dịch và hoạt động quản lý điều hành. Điều này góp phần tạo ra nhiều vị trí và công việc mới, với sự tập trung vào chất lượng. Chính vì những thay đổi này, nguồn nhân lực tại Việt Nam trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng sẽ đòi hỏi trình độ và kỹ năng công nghệ cao hơn cũng như khả năng tiếp cận và hội nhập với thị trường quốc tế.

Hiện tại, nhu cầu về nguồn nhân lực trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng luôn trong nhóm đầu vì tính đa dạng của lĩnh vực này, bao gồm ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, và thuế, thanh toán quốc tế, ... Báo cáo của Navigos Group về dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cao cấp trong lĩnh vực này từ năm 2020 đến 2025 sẽ tăng 20% mỗi năm. Đặc biệt, tại các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, ngành này chiếm đến 5% tổng số việc mới hàng năm, tương đương khoảng 15,000 công việc.

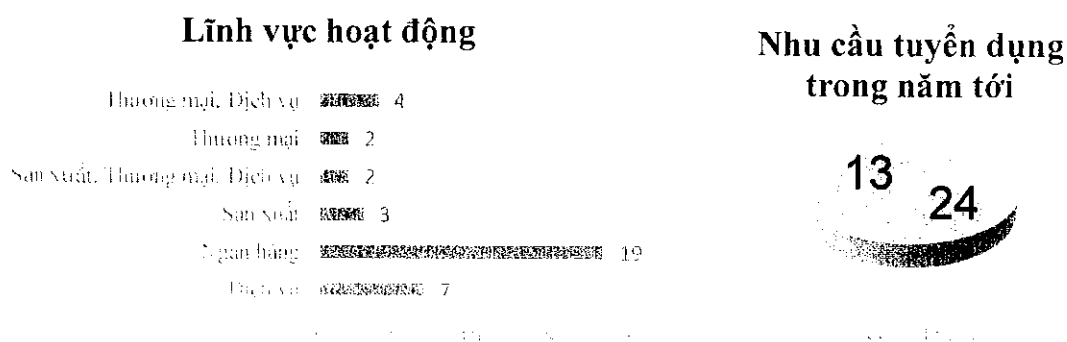
Nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thuế, và chứng khoán đang liên tục tuyển dụng nhân sự với sự tập trung cao về số lượng và chất lượng. Các nghiên cứu trước đó đã cho thấy chỉ có 1 trên 30 tân cử nhân có khả năng ứng tuyển thành công vào ngành này. Vì vậy, có thể nhận định nguồn nhân lực cho ngành Tài chính - Ngân hàng hiện nay ở Việt Nam đang thiếu hụt về mặt chất lượng cũng như dư thừa về mặt số lượng.

Bên cạnh đó, khu vực miền Đông Nam Bộ bao gồm 6 tỉnh, thành phố với tứ giác kinh tế trọng điểm cả nước là thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, và Bà Rịa - Vũng Tàu đã có những đóng góp rất lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế cả nước. Tổng thu ngân sách của 4 tỉnh, thành trên năm 2018 đạt 540.500 tỷ đồng. Thống kê cho thấy tại khu vực Đông Nam Bộ có khoảng 190 trường đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu, trong đó trên 92% các đơn vị này nằm ở TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai. Do đó, đây là 3 địa phương có nhu cầu lớn về nhân lực trình độ cao, đặc biệt là trình độ tiến sĩ, thạc sĩ.

Để phân tích toàn diện nhu cầu nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng, bậc đào tạo Thạc sĩ nhằm đáp ứng chiến lược hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao, kiến thức sâu rộng, kỹ năng thực hành và nghiên cứu, cũng như tư duy sáng tạo trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Khoa Kế toán – Tài chính tiến hành khảo các đối tượng chính bao gồm nhà tuyển dụng, cựu người học ngành Tài chính - Ngân hàng và Kế toán, người học năm cuối của Khoa Kế toán – Tài chính trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, cùng nhân viên tại các doanh nghiệp và ngân hàng. Kết quả khảo sát từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023 giúp nhà trường hiểu rõ những kỳ vọng, nguyện vọng nghề nghiệp, và kỹ năng quan trọng mà đối tượng này tin rằng cần có để thành công trong ngành. Thông qua những thông tin này, nhà trường sẽ điều chỉnh dịch vụ giáo dục để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng và nguyện vọng của người học, từ đó tối ưu hóa việc mở ngành Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng với cái nhìn toàn diện và chất lượng.

a. Khảo sát Nhà tuyển dụng

Hình 1. Lĩnh vực hoạt động và nhu cầu tuyển dụng



Kết quả khảo sát từ 37 nhà tuyển dụng đại diện cho đa dạng lĩnh vực kinh doanh, bao gồm Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ và Ngân hàng, đã cho thấy nhu cầu tuyển dụng nhân viên trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, với tỷ lệ 64,86%, tương ứng 24/37 tổ chức có nhu cầu. Trong đó, trình độ yêu cầu đối với sinh viên tốt nghiệp Thạc sĩ lên đến 75%, tương ứng với 18/24 tổ chức (minh họa qua bảng 1 bên dưới). Và một số yêu cầu liên quan đến kỹ năng mềm của ứng viên như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng bán hàng và tin học... (minh họa qua bảng 2)

Bảng 1. Trình độ yêu cầu đối với ứng viên của nhà tuyển dụng

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao đẳng/Đại học	1	4.17%
Đại học	5	20.83%
Đại học/Thạc sĩ	11	45.83%
Thạc sĩ	7	29.17%
Tổng cộng	24	100%

Bảng 2. Kỹ năng yêu cầu đối với ứng viên của nhà tuyển dụng

Kỹ năng	Số lượng
Kỹ năng giao tiếp	5
Kỹ năng bán hàng	1
Kỹ năng văn phòng	1
Kỹ năng làm việc nhóm	6
Tư duy phản biện	3
Kỹ năng lãnh đạo	4
Kỹ năng phân tích rủi ro tín dụng	1
Kỹ năng thuyết trình	2
Tin học	2
Ưu tiên ngoại hình	1
Ưu tiên ngoại ngữ	2

Bảng 3. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo của nhà tuyển dụng

Yêu cầu đối với chương trình đào tạo	Số lượng phản hồi
Kiến thức chuyên môn sâu	20
Kỹ năng thực hành trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng	13
Năng lực phân tích và quản lý rủi ro tài chính - ngân hàng	11
Nắm vững về công cụ và phương pháp tài chính hiện đại	12
Hiểu biết sâu sắc về thị trường tài chính - ngân hàng và xu hướng mới	15
Khả năng đào tạo và lãnh đạo nhóm	15
Tổng cộng	86

Bên cạnh nhu cầu tuyển dụng và yêu cầu đối với ứng viên của nhà tuyển dụng, Bảng 3 còn thể hiện kết quả khảo sát phản ánh sự mong đợi của nhà tuyển dụng đối với chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng bậc Thạc sĩ. Theo đó, yêu cầu đối với “kiến thức chuyên môn sâu” được lựa chọn nhiều nhất với 20/37 tổ chức; sự “hiểu biết sâu sắc về thị trường Tài chính – Ngân hàng” và “khả năng đào tạo và lãnh đạo nhóm” cùng xếp thứ hai với 15/37 tổ chức lựa chọn; “nắm vững về công cụ và phương pháp tài chính hiện đại” và “kỹ năng thực hành trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng” là các lựa chọn tiếp theo với lần lượt là 12/37 và 11/37 tổ chức lựa chọn.

b. Khảo sát người nhóm đối tượng cựu người học, người học và các nhân viên đang làm việc liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng

Để phản ánh đối tượng có mong muốn và có thể tham gia vào chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng, khảo sát được tiến hành với các đối tượng gồm cựu sinh viên đã tốt nghiệp của Khoa Kế toán – Tài chính, các sinh viên đang theo học năm cuối tại Khoa Kế toán – Tài chính (Được thể hiện là *Người học* trong kết quả khảo sát), và các nhân viên đang làm việc tại các tổ chức với công việc có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng (Được thể hiện là *Làm việc liên quan lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng* trong kết quả khảo sát)

Bảng 4. Thông tin người học tiềm năng

	Số lượng	Giới tính	
		Nam	Nữ
Cựu người học	34	11 (32,35%)	23 (67,65%)
Người học	47	6 (12,77%)	41 (87,23%)
Làm việc liên quan lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng	31	19 (61,29%)	12 (38,71%)
Tổng cộng	112 100,00%	36 32,14%	76 67,86%

Sau khi thu thập và làm sạch dữ liệu, số liệu bảng có 112 phản hồi hợp lệ từ phía người học tiềm năng bao gồm 34 phản hồi của Cựu người học; 47 phản hồi của người học (sinh viên năm cuối đang theo học của Khoa Kế toán – Tài chính); và 31 phản hồi đến từ các sinh viên đang làm việc tại các công ty và ngân hàng cũng như đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Bảng 5. Tìm hiểu về chương trình Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng

		Có	Không
Cựu người học	34	10 (29,41%)	24 (70,59%)
Người học	47	23 (48,94%)	24 (51,06%)
Làm việc liên quan lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng	31	22 (70,97%)	9 (29,03%)
Tổng cộng	112 100,00%	55 49,11%	57 50,89%

Bảng 6. Nhận thức về lợi ích của chương trình

		Có	Không
Cựu người học	34	22 (64,71%)	12 (35,29%)
Người học	47	38 (80,85%)	9 (19,15%)
Làm việc liên quan lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng	31	29 (93,55%)	2 (6,45%)
Tổng cộng	112 100,00%	89 79,46%	23 20,54%

Kết quả tổng hợp dữ liệu từ Bảng 5 và Bảng 6 cho thấy trong số các sinh viên tham gia khảo sát, số sinh viên đã từng tìm hiểu về chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng bậc Thạc sĩ là 55, chiếm tỷ lệ 49,11%. Trong đó, đối tượng quan tâm nhiều nhất là các nhân viên đang làm việc liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng với tỷ lệ 70,97%, tương ứng với 22/31 sinh viên. Và mặc dù chương từng tìm hiểu qua chương trình, số sinh viên tin rằng việc học tập chương trình Tài chính – Ngân hàng bậc đào tạo Thạc sĩ sẽ mang lại nhiều lợi ích về cơ hội nghề nghiệp và kiến thức chuyên môn cho họ. Điều này đã làm tăng tỷ lệ nhận thức về lợi ích của chương trình đối với người học lên rất cao với tỷ lệ của cựu người học là 64,71%, của người học là 80,85% và sinh viên làm việc liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng lên đến 93,55%.

Nhìn chung, các sinh viên tham gia khảo sát có sự đa dạng, mang tính đại diện đối với các bên liên quan đến chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Các phản hồi từ nhà tuyển dụng thể hiện nhu cầu tuyển dụng trong các năm tới là 64,86%, trong đó yêu cầu đối với trình độ thạc sĩ hoặc ưu tiên ứng viên có trình độ thạc sĩ là 75%. Các đối tượng người học tiềm năng của chương trình như cựu người học, người học và đối tượng đang làm việc liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng cũng có sự quan tâm lớn đối với chương trình. Trong đó, có đến 49,11% sinh viên đã từng tìm hiểu về chương trình Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng và có hơn 79,46% sinh viên nhận thức được cơ hội nghề nghiệp có được sau khi tham gia chương trình.

Do vậy, xuất phát từ bối cảnh phát triển và hội nhập của đất nước, cùng các chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia và ngành Ngân hàng cũng như nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, sự mong đợi và nhu cầu của người học tiềm năng cũng như nhà tuyển dụng đối với chương trình Thạc sĩ, ngành Tài chính – Ngân hàng cùng với chiến lược phát triển của Nhà trường, việc mở ngành đào tạo Tài chính – Ngân hàng bậc Thạc sĩ là tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

1.2.4. Giới thiệu về đơn vị phụ trách ngành

Khoa Kế toán – Tài chính (KTTC) là khoa chuyên môn thuộc Đại học Công Nghệ Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 116/QĐ-ĐHCNĐN ngày 17/11/2012 của Hội đồng quản trị Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai.

Hiện nay, khoa Kế toán – Tài chính đang có các ngành đào tạo bậc Đại học chính quy với thời gian đào tạo 4 năm, gồm ngành Kế toán và ngành Tài chính - Ngân hàng.

Về đội ngũ quản lý thực hiện hoạt động đào tạo, Khoa Kế toán – Tài chính có các giảng viên giàu kinh nghiệm giảng dạy và kinh nghiệm thực tế, tốt nghiệp từ các Trường đại học có uy tín trong nước và ngoài nước với số lượng 20 giảng viên cơ hữu.

Bên cạnh đó, Khoa cũng có sự cộng tác của nhiều giảng viên đến từ các trường đại học lớn trong nước và các giáo sư đến từ các Trường đại học nước ngoài như Nhật Bản, Đài Loan; Malaysia; Dubai, ... cùng với mạng lưới các chuyên gia của các doanh nghiệp và ngân hàng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đây là đội ngũ góp phần tạo nên nguồn lực giảng viên đảm bảo cho các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho học viên của chương trình Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Khoa Kế toán – Tài chính sử dụng hệ thống các phòng học lý thuyết của Nhà trường với đầy đủ trang thiết bị hiện đại. Ngoài ra, Khoa hiện có một phòng thực hành với 40 máy tính cấu hình cao, kết nối internet và mạng nội bộ, và màn hình tương tác cảm ứng. Khoa Kế toán – Tài chính đã có kế hoạch nâng cấp phòng thực hành thành trung tâm mô phỏng để đào tạo thực hành các học phần chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng vào năm 2024.

Bên cạnh đó, Khoa sử dụng nguồn học liệu, tài liệu tham khảo đa dạng phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của sinh viên, học viên và giảng viên thông qua hệ thống thư viện điện tử được liên kết với các nguồn cơ sở dữ liệu của các trường đại học hiện đại trên thế giới.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

2.1. Đội ngũ:

2.1.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Cấp Bộ	Cơ sở	Quốc tế
1	Nguyễn Thị Loan, 24/11/1962	066162007310; Việt Nam	Phó Giáo sư, 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	- PGS: Kinh tế - TS: Tài chính - Ngân hàng - ThS: Tài chính - Ngân hàng - DH: Tài chính - Ngân hàng	01/12/2024	HĐLĐ 36 tháng (01/12/2024 - 30/11/2027)	Hưu trí	37	1	13	8
2	Lê Thị Mận, 15/01/1953	025153000088; Việt Nam	Phó Giáo sư, 2010	Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	- PGS: Kinh tế - TS: Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng - ThS: Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng - DH: Ngân hàng	01/11/2024	HĐLĐ 36 tháng (01/11/2024 - 31/10/2027)	Hưu trí	47	4	17	2

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghịệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghịệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Cấp Bộ	Cơ sở	Quốc tế
3	Lê Thị Tuyết Hoa, 08/02/1960	031160008883; Việt Nam	Phó Giáo sư, 1986	Phó Tiến sĩ Khoa học, Việt Nam, 1996	- PGS: Kinh tế - TS: Kinh tế (Chuyên ngành Tài chính Ngân hàng) - ThS: Không - ĐH: Tài chính ngân hàng (Chuyên ngành Tín dụng ngân hàng)	01/12/2024	HĐLĐ 36 tháng (01/12/2024 - 30/11/2027)	Hưu trí	27	2	12	4
4	Lê Thị Hiệp Thương, 18/09/ 1955	001155009052; Việt Nam		Phó Tiến sĩ Khoa học, Việt Nam, 1996	- TS: (Phó TSKH: Kinh tế (Tài chính, tín dụng và lưu thông tiền tệ) - ĐH: Tài chính - Tín dụng	01/11/2024	HĐLĐ 36 tháng (01/11/2024 - 31/10/2027)	Hưu trí	44	2	2	-
5	Nguyễn Bảo Anh, 11/02/1972	027072036917; Việt Nam		Tiến sĩ, Canada , 2016	Kinh tế học	02/05/2018	HĐKXĐ thời hạn từ 02/05/2021	013156 6248	14	-	3	4
6	Lê Thị Quỳnh Nga, 02/09/1987	051187005459; Việt Nam		Tiến sĩ, Hà Lan, 2019	ĐH: Quản trị kinh doanh ThS: Chính sách công TS: Kinh tế học	01/04/2021	HĐLĐ KXĐ (01/04/2024)	512130 4792	5	-	2	5

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Cấp Bộ	Cơ sở	Quốc tế
7	Phạm Quý Long, 12/12/1961	001061015571; Việt Nam	Phó Giáo sư, 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	- PGS: Kinh tế - TS: Quản lý Kinh tế - ThS: Kinh tế - ĐH: Kinh tế - Chính trị	01/11/2024	HĐLĐ 36 tháng (01/11/2024 - 31/10/2027)	Hưu trí	41	6	3	26
8	Tăng Trí Hùng, 13/07/1962	074062000005; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	ĐH: Kinh tế công nghiệp ThS: Kinh tế TS: Kinh tế	10/07/2023	HĐLĐ 36 tháng (10/07/2023 - 09/07/2026)	Hưu trí	16	-	-	14
9	Đỗ Đức Định, 12/04/1949	001049000415; Việt Nam	Phó Giáo sư, 2002	Phó Tiến sĩ Khoa học, Việt Nam, 1991	- PGS: Kinh tế - Phó TSKH: Kinh tế (TS: Kinh tế học chính trị) - ĐH: Kinh tế thể giới - ĐH: Anh văn	01/11/2024	HĐLĐ 36 tháng (01/11/2024 - 31/10/2027)	Hưu trí	42	6	0	7
10	Phạm Thu Trang, 11/08/1987	030187000729; Việt Nam		Tiến sĩ, Hoa Kỳ, 2021	Chính sách công	01/12/2023	HĐLĐ 36 tháng (01/12/2023 - 30/11/2026)	011120 9443	15	-	-	2

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Cấp Bộ	Cơ sở	Quốc tế
11	Lê Thanh Hương, 31/10/1959	001159001538; Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Quản lý kinh tế	01/03/2017	HĐLĐ KXĐ (01/03/2020)	Hưu trí	14	1	6	-
12	Phạm Công Đoàn, 21/10/1954	001054007979; Việt Nam	Phó Giáo sư, 2003	Tiến sĩ, Ukraina , 1993	Kinh tế	01/08/2022	HĐLĐ 36 tháng (01/08/2022 - 31/07/2025)	Hưu trí	28	10	-	-
13	Bùi Trung Hưng, 19/06/1957	03405700769; Việt Nam	PGS, 2015	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Triết học	04/07/2017	HĐLĐ 36 tháng (04/07/2023- 03/07/2026)	Hưu trí	42	0	6	
14	Lê Thị Huyền 10/10/1970	042170001602; Việt Nam	0	Tiến sĩ Việt Nam, 2013	Triết học	13/01/2024	x		30		8	
15	Phạm Quang Nam, 05/10/1985	075089003194; Việt Nam	0	Tiến sĩ, Hoa Kỳ, 2019	Công nghệ trong giáo dục và lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai	01/08/2024	HĐLĐ 36 tháng (01/08/2024- 31/07/2027)	790808 2147	12	-	4	12
16	Nguyễn Thụy Hoài Trâm, 01/11/1978	058178005298; Việt Nam	0	Tiến sĩ Hoa Kỳ, 2022	Giáo dục học phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	01/10/2022	HĐLĐ 36 tháng (01/10/2022- 30/09/2025)	582036 8454	8			2

2.1.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở của cơ sở đào tạo

chủ cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	Bùi Trung Hưng	Triết học	1, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
2	Lê Thị Huyền							Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
3	Tăng Trí Hùng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
4	Lê Thị Mận							Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
5	Phạm Quang Nam	Tiếng Anh B2	1, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
6	Nguyễn Thuy Hoài Trâm							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
7	Tăng Trí Hùng	Phương pháp định lượng trong tài chính	1, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
8	Lê Thanh Hương							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
9	Nguyễn Thị Loan	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	1, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
10	Phạm Công Đoàn							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
11	Lê Thị Mận	Phân tích tài chính và mô hình tài chính	1, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
12	Lê Thanh Hương							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
13	Lê Thị Hiệp Thương	Hệ thống thông tin tài chính	2, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
14	Phạm Quý Long							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
15	Nguyễn Bảo Anh	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao	2, 2025-2026	x				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
16	Phạm Công Đoàn							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
17	Lê Thị Tuyết Hoa	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	2, 2025-2026			x		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
18	Lê Thanh Hương							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
19	Phạm Công Đoàn	Tài chính quốc tế nâng cao	2, 2025-2026			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
20	Đỗ Đức Định							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
21	Lê Thị Quỳnh Nga	Ngân hàng quốc tế	2, 2025-2026			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
22	Phạm Công Đoàn							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
23	Phạm Thu Trang	Thẩm định dự án nâng cao	2, 2025-2026			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
24	Tăng Trí Hùng							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
25	Lê Thanh Hương	Phân tích dữ liệu và dự báo	2, 2025-2026			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
26	Phạm Thu Trang							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
27	Nguyễn Bảo Anh	Pháp luật về tài chính ngân hàng	2, 2025-2026			x		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
28	Phạm Quý Long							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
29	Lê Thanh Hương	Đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư	3, 2026-2027	x				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
30	Phạm Thu Trang							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
31	Tăng Trí Hùng	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	3, 2026-2027	x				Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
32	Lê Thị Quỳnh Nga							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
33	Phạm Công Đoàn	Tài chính phái sinh	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
34	Lê Thị Hiệp Thương							Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
35	Đỗ Đức Định	Tài chính hành vi	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
36	Lê Thị Quỳnh Nga							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
37	Lê Thị Hiệp Thương	Sáp nhập và mua bán doanh nghiệp	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
38	Phạm Quý Long							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
39	Phạm Thu Trang	Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
40	Lê Thị Quỳnh Nga							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
41	Lê Thị Tuyết Hoa	Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
42	Phạm Công Đoàn							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
43	Nguyễn Bảo Anh	Định giá doanh nghiệp	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
44	Phạm Công Đoàn							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
45	Phạm Quý Long	Marketing dịch vụ tài chính - ngân hàng	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
46	Đỗ Đức Định							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
47	Lê Thị Mận	Công nghệ Tài chính	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
48	Phạm Quý Long							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
49	Lê Thị Quỳnh Nga	Đạo đức kinh doanh	3, 2026-2027			x		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
50	Phạm Quý Long							Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
51	Lê Thị Hiệp Thương	Chuyên đề nghiên cứu	4, 2026-2027	x				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
52	Nguyễn Thị Loan							Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
53	Tăng Trí Hùng							Giảng viên cơ hữu hướng dẫn luận văn, luận án
54	Lê Thị Mận	Luận văn tốt nghiệp	4, 2026-2027	x				Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
55	Nguyễn Thị Loan							Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
56	Lê Thị Tuyết Hoa							Giảng viên cơ hữu chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

2.1.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	NCS. Nguyễn Hữu Thiện, 12/08/1986, Phụ trách khoa	NCS. (2020 – nay)	Kế toán	
2	NCS. Đào Thị Hạnh, 30/04/1985, Phó trưởng khoa	NCS. (2024 – nay)	Kế toán	

2.2. Cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, công nghệ học liệu

2.2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học	
1	Phòng học/giảng đường	124	8.587	Màn hình tương tác cảm ứng	52	Các học phần lý thuyết, mô phỏng thực hành	
2	Hội trường	2	966	Màn hình led	02	Các học phần lý luận chính trị, chuyên đề	
				Bộ âm thanh	02		
3	Số phòng học đa phương tiện	1	93	Cabin	24	Học và thi học phần tiếng anh	
4	Phòng máy tính	5	320	Máy tính	288	Các học phần thực hành trên máy tính	

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học	
5	Sân vận động, hồ bơi,...	09	9.982	-	-	Các học phần Giáo dục thể chất	
6	Phòng thí nghiệm, thực hành	39	12.125	Các thiết bị, máy móc, máy tính phục vụ học thí nghiệm, thực hành		Các học phần thí nghiệm, thực hành	
7	Phòng thực hành thực tế ảo 3D (Zspace)	03	182	Thiết bị mô phỏng 3D	03	Các học phần thực hành mô phỏng 3D, các ngành kỹ thuật, công nghệ và sức khỏe	
8	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.123	-	-	-	

2.2.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 3.123 m²; Diện tích phòng đọc: 417 m²
- Số chỗ ngồi: 900; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 19
- Phần mềm quản lý thư viện: 01
- Thư viện điện tử: 01
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu trong nước: 01 CSDL
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu quốc tế (hoặc dự kiến): 02 CSDL
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 10.337 đầu tài liệu

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên Tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Quantitative Methods for the Social Sciences: A Practical Introduction with Examples in SPSS and Stata	Daniel Stockemer	Springer International Publishing, 2019	1	Phương pháp định lượng trong tài chính	TC80001	1, 2025 - 2026	File mềm
2	Business research - A Practical Guide for Students (15 edition)	Jill Collis & Roger Hussey	Macmillan Education Limited, 2021	1	Phương pháp định lượng trong tài chính	TC80001	1, 2025 - 2026	File mềm
3	Multivariate Data Analysis	Joseph F. Hair William C. Black Barry J. Babin Rolph E Anderson	Cengage, 2019	1	Phương pháp định lượng trong tài chính	TC80001	1, 2025 - 2026	
4	The Economics of Money, Banking, and Financial Markets	Frederic S. Mishkin	Pearson, 2021	1	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	TC80002	1, 2025 - 2026	
5	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Ngọc	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	1	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	TC80002	1, 2025 - 2026	
6	Modeling Monetary Economies 5th Edition	Bruce Champ	Cambridge University Press, 2022	1	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	TC80002	1, 2025 - 2026	
7	Financial Modeling 5th edition	Simon Benninga and Tal Mofkadi	MIT Press, 2022	1	Phân tích tài chính và mô hình tài chính	TC80003	1, 2025 - 2026	
8	Principles of Financial Modelling_ Model Design and Best Practices using Excel and VBA	Michael Rees	Wiley, 2018	1	Phân tích tài chính và mô hình tài chính	TC80003	1, 2025 - 2026	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên Tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
9	Introduction To Financial Modelling	Liam Bastick	Holy Macro, 2020	1	Phân tích tài chính và mô hình tài chính	TC80003	1, 2025 - 2026	
10	Banking 4.0: The Industrialised Bank of Tomorrow	Mohan Bhatia	Srpinger Nature Singapore, 2022	1	Hệ thống thông tin tài chính	TC80004	2, 2025 - 2026	File mềm
11	Bank 4.0: Banking everywhere, never at a bank	King, B	Wiley, 2019	1	Hệ thống thông tin tài chính	TC80004	2, 2025 - 2026	File mềm
12	Integrating Finance and Technology in Financial Services	Nicoletti, B	Macmillan, 2017	1	Hệ thống thông tin tài chính	TC80004	2, 2025 - 2026	
13	Risk Management and Financial Institutions	John C. Hull	Willey, 2023	1	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao	TC80005	2, 2025 - 2026	File mềm
14	Options, Futures, and Other Derivatives, Global Edition 11th Edition	John Hull	Pearson, 2021	1	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao	TC80005	2, 2025 - 2026	File mềm
15	The Essentials of Risk Management, 3rd Edition	Michel Crouhy, Dan Galai, Robert Mark	Mc Graw Hill, 2023	1	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao	TC80005	2, 2025 - 2026	
16	Thị trường tài chính & Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Văn Tiến	NXB Hồng Đức, 2022	1	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao	TC80005	2, 2025 - 2026	
17	Investment analysis and Portfolio Management 12th edition	Frank K. Reilly & Keith C. Brown	Cengage, 2024	1	Đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư	TC80006	1, 2026 - 2027	
18	Portfolio Management: Theory and Practice	Scott D. Stewart, Christopher D. Piros, Jeffrey C. Heisler	Wiley, 2019	1	Đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư	TC80006	1, 2026 - 2027	File mềm

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên Tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
19	Modern Portfolio Management: Moving Beyond Modern Portfolio Theory	Todd E. Petzel	Wiley, 2021	1	Đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư	TC80006	1, 2026 - 2027	
20	Bank Management and Financial Services 9th Edition	Rose S. Peter and Hudgins C. Sylvia	Mc Graw Hill, 2013	1	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	TC80007	1, 2026 - 2027	
21	ISE Financial Institutions Management: A Risk Management Approach	Marcia Millon Cornett Anthony Saunders	Mc Graw Hill, 2023	1	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	TC80007	1, 2026 - 2027	
22	An introduction to Banking: Principles, Strategy and Risk Management 2nd Edition	Moorad Choudhry	Kogan Page, 2018	1	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	TC80007	1, 2026 - 2027	File mềm
23	Corporate Finance 13th Edition	Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, Jeffrey Jaffe, Bradford D. Jordan, Kelly Shue	Mc Graw Hill, 2022	1	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC81001	2, 2025 - 2026	File mềm
24	Principles of Corporate Finance 13th Edition	Brealey, R., Myers, S., & Allen, F.	Mc Graw Hill, 2020	1	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC81001	2, 2025 - 2026	File mềm
25	Tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào; Trần Minh Tuấn	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019	1	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	TC81001	2, 2025 - 2026	
26	Multinational Business Finance 15th edition (Global edition)	David K. Eiteman, Arthur I. Stonehill, Michael H. Moffett	Pearson, 2021	1	Tài chính quốc tế nâng cao	TC81002	2, 2025 - 2026	File mềm

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên Tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
27	International Financial Management 8th edition	Cheol S. Eun & Bruce G. Resnick	Mc Graw Hill, 2018	1	Tài chính quốc tế nâng cao	TC81002	2, 2025 - 2026	File mềm
28	Giáo trình Tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Hồng Đức, 2018	1	Tài chính quốc tế nâng cao	TC81002	2, 2025 - 2026	
29	Giáo trình Luật ngân hàng Việt Nam - Trường Đại học Luật Hà Nội	Võ Đình Toàn và các cộng sự	Công an nhân dân, 2017	1	Pháp luật về tài chính ngân hàng	TC81003	2, 2025 - 2026	
30	Giáo Trình Pháp Luật Về Thị Trường Chứng Khoán	Lê Thị Thu Thủy	Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2017	1	Pháp luật về tài chính ngân hàng	TC81003	2, 2025 - 2026	
31	Hệ thống văn bản pháp luật ngân hàng		Hồng Đức, 2021	1	Pháp luật về tài chính ngân hàng	TC81003	2, 2025 - 2026	
32	The Principles of Banking, 2nd Edition	Moorad Choudhry và các cộng sự	Wiley, 2022	1	Ngân hàng quốc tế	TC81004	2, 2025 - 2026	
33	Engineering Economy (17th – Global Edition)	W. G. Sullivan, E. M. Wicks And C. P. Koelling	Pearson Education, 2019	1	Thẩm định dự án nâng cao	TC81005	2, 2025 - 2026	File mềm
34	Cost-Benefit Analysis For Investment Decisions	Glenn P. Jenkins, Chun-Yan Kuo, Arnold C. Harberge	University of Chicago, 2019	1	Thẩm định dự án nâng cao	TC81005	2, 2025 - 2026	
35	Time Series for Data Science: Analysis and Forecasting	Wayne A. Woodward, Bivin Philip Sadler, Stephen Robertson	CRC Press, 2022	1	Phân tích dữ liệu và dự báo	TC81006	2, 2025 - 2026	File mềm
36	Data Science for Economics and Finance: Methodologies and Applications	Sergio Consoli, Diego Reforgiato Recupero, Michaela Saisana	Springer, 2021	1	Phân tích dữ liệu và dự báo	TC81006	2, 2025 - 2026	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên Tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
37	Business research - A Practical Guide for Students (15 edition)	Jill Collis & Roger Hussey	Macmillan Education Limited, 2021	1	Phân tích dữ liệu và dự báo	TC81006	2, 2025 - 2026	
38	Options, Futures, and Other Derivatives. 11th edition	John C. Hull	Pearson, 2021	1	Tài chính phái sinh	TC81007	1, 2026 - 2027	File mềm
39	Financial Risk Management and Derivative Instruments	Michael Dempsey	Routledge, 2021	1	Tài chính phái sinh	TC81007	1, 2026 - 2027	
40	Giáo Trình Các Công Cụ Phái Sinh	Lê Trung Thành	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	1	Tài chính phái sinh	TC81007	1, 2026 - 2027	
41	Tài chính hành vi-Tâm lý học, ra quyết định, và thị trường	Ackert, L.F. & Deaves, R	NXB Hồng Đức, sách dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, 2018	1	Tài chính hành vi	TC81008	1, 2026 - 2027	
42	Behavioral Finance (The Second Generation)	Meir Statman	CFA Institute Research Foundation, 2019	1	Tài chính hành vi	TC81008	1, 2026 - 2027	
43	Mergers and Acquisitions Basics: The Key Steps of Acquisitions, Divestitures, and Investments, 2nd edition.	Frankel & Forman	Wiley, 2017	1	Sáp nhập và mua bán doanh nghiệp	TC81009	1, 2026 - 2027	File mềm
44	Mergers and Acquisitions: A step-by-step legal and practical guide, 2nd edition	Miller JR. & Segall	Wiley, 2017	1	Sáp nhập và mua bán doanh nghiệp	TC81009	1, 2026 - 2027	
45	Auditing and Assurance Services, Global Edition, 18th edition	Alvin A. Arens, Randal J. Elder, Mark S. Beasley, Chris E. Hogan	Pearson, 2023	1	Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ	TC81010	1, 2026 - 2027	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên Tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
46	Audit Risk Assessment Made Easy: Seeing What Others Miss	Charles Hall	CPA Hall Talk, 2021	1	Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ	TC81010	1, 2026 - 2027	
47	Giáo trình Kiểm soát nội bộ	Nguyễn Hữu Ánh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021	1	Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ	TC81010	1, 2026 - 2027	
48	Management accounting: information for creating and managing value 9th edition	Langfield-Smith, Smith, Andon, Hilton, Thorne	Mc Graw Hill, 2022	1	Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh	TC81011	1, 2026 - 2027	
49	Horngren's Cost Accounting: A Managerial Emphasis, 17th edition	Srikant M. Datar, Madhav V. Rajan	Pearson, 2021	1	Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh	TC81011	1, 2026 - 2027	
50	Business Valuation	Eric TKH, Low BSand Jason DTH	Cengage, 2018	1	Định giá doanh nghiệp	TC81012	1, 2026 - 2027	
51	Bond Markets, Analysis and Strategies, 10th Edition	Frank J. Fabozzi	Pearson, 2021	1	Định giá doanh nghiệp	TC81012	1, 2026 - 2027	
52	Options, Futures, and Other Derivatives 10th Edition	John Hull	Pearson, 2018	1	Định giá doanh nghiệp	TC81012	1, 2026 - 2027	
53	Services Marketing: Integrating Customer Service Across the Firm 4e	Alan Wilson, Valarie A. Zeithaml, Mary Jo Bitner, Dwayne D. Gremler	Mc Graw Hill, 2021	1	Marketing dịch vụ tài chính-ngân hàng	TC81013	1, 2026 - 2027	
54	Marketing ngân hàng	PGSTS Trương Quang Thông	NXB Kinh Tế TP HCM, 2019	1	Marketing dịch vụ tài chính-ngân hàng	TC81013	1, 2026 - 2027	

Stt	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên Tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
55	Financial Services Marketing 3rd Edition	Christine Ennew, Nigel Waite, Roisin Waite	Routledge, 2017	1	Marketing dịch vụ tài chính-ngân hàng	TC81013	1, 2026 - 2027	
56	The FinTech Book: Công nghệ tài chính dành cho nhà đầu tư, doanh nhân và người nhìn xa trông rộng	Susanne Chishti, Janos Barberis; Nguyễn Khắc Quốc Bảo, Lê Đạt Chí	Thông tin và Truyền thông, 2019	1	Công nghệ tài chính	TC81014	1, 2026 - 2027	
57	Banks and Fintech on Platform Economies: Contextual and Conscious Banking, 1st edition	Paolo Sironi	Wiley, 2021	1	Công nghệ tài chính	TC81014	1, 2026 - 2027	
58	Business ethics: A contemporary approach	McDonald, Gael	Melbourne, VIC: Cambridge University Press, 2015	1	Đạo đức kinh doanh	TC81015	1, 2026 - 2027	
59	Business Ethics: A Textbook with Cases	William H. Shaw	Cengage Learning, 2016	1	Đạo đức kinh doanh	TC81015	1, 2026 - 2027	
60	Giáo trình cao học Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - cập nhật SmartPLS	PGS. TS. Hà Nam Khánh Giao, TS. Bùi Nhất Vương	Tài chính, 2019	1	Chuyên đề nghiên cứu	TC80008	2, 2026 - 2027	
61	Nghiên cứu định lượng trong kinh tế và viết bài báo khoa học	PGS. TS. Đinh Phi Hồ	Tài chính, 2019	1	Chuyên đề nghiên cứu	TC80008	2, 2026 - 2027	
62	Contemporary Issues in Sustainable Finance	Mario La Torre · Helen Chiappini	Palgrave Macmillan Cham, 2022	1	Chuyên đề nghiên cứu	TC80008	2, 2026 - 2027	
63	A manual for writers of research papers, theses, and dissertations. 8th ed	Turabian Kate L., Wayne C. Booth, Gregory.G. Colomb, and Joseph M. Williams	University of Chicago Press, 2013	1	Luận văn tốt nghiệp	TC80009	2, 2026 - 2027	

2.2.3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
1.	Màn hình tương tác		1	Khoa Kế toán – Tài chính	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Phương pháp định lượng trong tài chính - Phân tích dữ liệu và dự báo		1	
2.	Bảng viết thủy tinh		2					
3.	Bàn giảng viên		1					
4.	Ghế giảng viên		1					
5.	Bàn để máy vi tính		9					
6.	Máy tính bộ để bàn		38					
7.	Kệ gỗ để tài liệu		6					
8.	Ghế xanh nhựa tựa lưng		7					
9.	Ghế xoay VP		40					
10.	Phòng Mô phỏng Tài chính ngân hàng		1		Tất cả các học phần		30 người	

2.2.4. Công nghệ học liệu

Từ năm 2020, Nhà trường đã sử dụng hệ thống LMS Canvas (<https://canvas.dntu.edu.vn>) phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng việc học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên, tạo công cụ quản lý giảng dạy, lưu trữ bài giảng và tài liệu. Hệ thống canvas hỗ trợ tối ưu việc lưu trữ được nguồn tài nguyên học liệu lớn: video, hình ảnh trực quan, file âm thanh, các file word, excel, pdf. Giảng viên có thể chia sẻ nguồn tài liệu; theo dõi và quản lý, phân công nội dung, quá trình dạy – học, đánh giá quá trình giảng dạy dễ dàng, nhanh chóng. Sinh viên, học viên chủ động theo dõi nội dung học tập, làm bài tập, quản lý kết quả học tập trong suốt quá trình học. Hệ thống canvas hỗ trợ việc tổ chức các kỳ thi, đánh giá sinh viên, học viên trong quá trình học tập tại Trường bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận, hỗ trợ đa dạng hình thức câu hỏi (assignment và quiz) và giới hạn thời gian của bài thi dễ dàng. Giảng viên đã có thể tự động hóa công tác đánh giá, chấm điểm và quản lý sinh viên, học viên dễ dàng. Đồng thời, giảng viên có thể thảo luận theo chủ đề và gửi thông báo cho nhóm, theo dõi mức độ tương tác của người học trên hệ thống Canvas.

+ Kho sách tiếng việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (kho tài liệu môn học), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

+ *Về nguồn tài liệu*: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

+ *Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com)*: với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội... cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới.

+ *Hợp tác liên thư viện*: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội. Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại

học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

+ *Phần mềm quản lý*: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Chính sách nghiên cứu khoa học của Trường hỗ trợ tối đa cho việc đào tạo các nhà khoa học trẻ từ giảng đường, hướng tới những nghiên cứu ứng dụng liên ngành có giá trị thiết thực. Trường mong muốn hướng tới việc tạo ra một môi trường nghiên cứu tiên tiến, phát triển, và thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học tại khắp nơi trên thế giới đồng thời xây dựng lòng yêu mến khoa học công nghệ trong thế hệ trẻ của đất nước. Hơn 20% các công bố quốc tế có sự tham gia của sinh viên, chương trình nghiên cứu ngắn hạn kết hợp với các trường đại học quốc tế thuộc các nhóm ngành công nghệ phát triển và nhóm ngành kinh tế, quản trị thu hút được quan tâm của nhiều doanh nghiệp.

2.3.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/11/2019 TR:2019-01/QT	Đề tài cấp Cơ sở	Đánh giá chất lượng dịch vụ của các ngân hàng thương mại trong nước trên địa bàn TP. Biên Hòa	Phạm Thị Mộng Hằng	129/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 22/06/2020	12/07/2020	Đạt		
2	211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/11/2019 TR:2019-04/KTTC	Đề tài cấp Cơ sở	Giải pháp xây dựng và phát triển thương hiệu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín chi nhánh đồng nai	Lâm Hải	129/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 22/06/2020	28/06/2020	Đạt		
3	211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/11/2019 TR:2019-05/KTTC	Đề tài cấp Cơ sở	Nghiên cứu các tác động của đổi mới sáng tạo đến lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trẻ việt nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	Vũ Thị Thương	129/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 22/06/2020	28/06/2020	Đạt	Nguyễn Hoàng Hưng Lê Minh Thư (SV) Nguyễn Thị Kim Thư (SV) Nguyễn Thị Thu Hiền (SV) Huỳnh Lê Yến Nhi (SV) Nguyễn Thị Bạch Tuyết (SV)	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
4	211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/11/2019 TR:2019-13/KTTC	Đề tài cấp Cơ sở	Tác động của hệ thống kiểm soát nội bộ và công nghệ thông tin đến chất lượng thông tin kế toán	Nguyễn Hoàng Hưng	129/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 22/06/2020	28/06/2020	Đạt	Lê Thanh Hải Dương Xuân Vương	
5	211/QĐ-ĐHCNĐN TR:2019-17/KTTC	Đề tài cấp Cơ sở	Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh đồng nai trong xu thế hội nhập	Nguyễn Thị Thanh Vân	129/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 22/06/2020	23/06/2020	Đạt	Nguyễn Thị Ngọc The	
6	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-09/SKTC	Đề tài cấp Cơ sở	Mức độ ảnh hưởng của những khía cạnh thẻ điểm cân bằng (balance scorecard - BSC) đến hiệu quả hoạt động ở các doanh nghiệp sản xuất tại miền Nam Việt Nam	Bùi Thị Yên	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	26/04/2021	Đạt	Phạm Thị Hằng (SV) Nguyễn Tường Phúc (SV) Nguyễn Thị Phương (SV) Vương Thảo Trinh (SV)	
7	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-10/SKTC	Đề tài cấp Cơ sở	Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đồng Nai	Vũ Thị Thương	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	26/04/2021	Đạt	Nguyễn Nhân Thọ (SV) Phạm Thị Hồng Mai (SV) Phạm Thị Hải Yến (SV)	
8	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-16/SKTC	Đề tài cấp Cơ sở	Nâng cao nghiệp vụ thẻ tại Ngân hàng Sacombank - chi nhánh tỉnh Đồng Nai	Lâm Hải	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	26/04/2021	Đạt	Trần Anh Cường (SV) Nguyễn Thế Hoàng Dũng (SV) Đào Đức Duy (SV)	
9	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-18/SKTC	Đề tài cấp Cơ sở	Phân tích hoạt động chiêu thị tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sacombank, phòng giao dịch Biên Hòa	Nguyễn Hữu Dũng	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	26/04/2021	Đạt	Trương Hồng Thư (SV) Triệu Ngọc Nam (SV) Trần Mạnh Trung (SV)	
10	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-19/SKTC	Đề tài cấp Cơ sở	Vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế để hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp trong điều kiện ở Việt Nam	Lương Huỳnh Anh Thư	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	26/04/2021	Đạt	Nguyễn Vũ Quốc Cường (SV) Nguyễn Thị Hoài Linh (SV) Đỗ Thị Hoài Linh (SV) Phạm Thị Hồng Sương (SV)	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bô/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
11	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-21/SKTC	Đề tài cấp Cơ sở	Nâng cao hiệu quả cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Sacombank - chi nhánh Trảng Bom	Lâm Hải	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	26/04/2021	Đạt	Nguyễn Kiều Anh (SV) Nguyễn Thị Linh Chi (SV)	
12	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-04/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Cao Thị Thắm	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	25/05/2021	Đạt	Nguyễn Thị Kim Sang (SV) Liều Thanh Tuấn (SV) Trần Ngọc Đan Tùng (SV)	
13	196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15/09/2020 TR:2020-05/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Du lịch Đất Việt	Cao Thị Thắm	55/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06 tháng 04 năm 2021	25/05/2021	Đạt	Lê Trọng Tấn (SV) Phan Thanh Trúc (SV) Lê Thị Ngọc Tuyền (SV)	
14	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-20/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Phân tích hoạt động cho vay mua ô tô tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Đồng Nai	Trần Thị Phụng	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	15/04/2022	Đạt	Phan Ngọc Bình (SV) Huỳnh Thị Như Hào (SV) Tô Ngọc Minh Châu (SV) Lê Diệp Thanh Thúy (SV)	
15	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-22/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Dosel Vina	Lê Thị Bình	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	15/04/2022	Đạt	Nguyễn Thị Minh Tuyền Nguyễn Hoàng Đa Thảo Trương Yến Phương (SV) Chu Minh Đức (SV)	
16	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-24/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing tại Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu hiệp bị PCCC Tấn Đức Thịnh	Nguyễn Thị Thúy An	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	15/04/2022	Đạt	Phạm Thị Mộng Hằng Lê Thị Phương Thanh (SV) Trần Thị Quỳnh Hoa (SV) Nguyễn Hoàng Nguyệt Vy (SV)	
17	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-26/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Phân tích thị trường xuất khẩu của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Trần Thị Minh Quỳ	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	15/04/2022	Đạt	Võ Anh Kiệt Trần Thị Bích Ngân (SV) Bùi Thị Quỳnh Giao (SV) Nguyễn Hồng Tâm (SV)	
18	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-27/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Hoàn thiện hệ thống phân phối bán lẻ tại công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	Trần Thu Hương	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	15/04/2022	Đạt	Nguyễn Thanh Tú (SV) Nguyễn Thị Thuý Trang (SV) Lê Thị Ánh Chi (SV) Lê Thị Thu (SV)	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
19	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-28/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Hoạch định chiến lược xuất khẩu tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Phú Khang Thịnh	Nguyễn Thị Kim Tín	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	16/04/2022	Đạt	Bùi Quang Xuân Phạm Ngọc Khánh Như (SV) Bùi Cao Thái (SV) Nguyễn Thị Xuân Cúc (SV)	
20	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-30/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Sợi chỉ Việt Côn	Trần Thị Mỹ Xuân	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	16/04/2022	Đạt	Bùi Quang Xuân Phạm Ngọc Khánh Như (SV) Bùi Cao Thái (SV) Nguyễn Thị Xuân Cúc (SV)	
21	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-31/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp của Công ty TNHH Excell Precision	Lê Thị Quỳnh Nga	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	16/04/2022	Đạt	Phùng Đình Quyết (SV) Lê Thị Huỳnh Ngọc (SV) Phan Quang Trường (SV)	
22	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-35/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh Công ty TNHH Toyota Biên Hòa	Lê Bội Nhi	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	16/04/2022	Đạt	Phạm Thị Kim Tươi Đặng Xuân Huy (SV) Cao Nguyễn Đạt (SV) Đỗ Thị Ái Nhi (SV)	
23	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-37/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Hoàn thiện hoạt động tín dụng cho khách hàng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Đồng Nai (Oceanbank)	Lữ Thị Đức Nga	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	17/04/2022	Đạt	Cam Liên Hồ Thị Mỹ Phụng (SV) Lê Tú Quyên (SV) Nguyễn Thị Thanh Trúc (SV)	
24	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-39/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai	Trương Thị Thanh Hà	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	17/04/2022	Đạt	Nguyễn Minh Thiện Hà Nhật Tài (SV) Nguyễn Thanh Thuý (SV) Nguyễn Thị Như Ý (SV)	
25	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-40/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á	Nguyễn Thị Thu Thủy	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	17/04/2022	Đạt	Nguyễn Thị Quý Nguyễn Hoàng Yến (SV) Kiều Chế Thái Lâm (SV) Ngô Đặng Sơn Hà (SV)	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
26	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-41/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Tình hình cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sân Giao dịch Đồng Nai - PGD Đồng Hòa	Trần Ngọc Hùng	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	17/04/2022	Đạt	Vũ Anh Tuấn (SV) Lê Hồ Nguyệt Thu (SV) Trần Minh Tài (SV) Huỳnh Thị Bích Tuyền (SV)	
27	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-42/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Hoàn thiện và phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Sacombank-PGD CN Biên Hòa	Trần Thị Chung	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	17/04/2022	Đạt	Nguyễn Đức Ánh (SV) Đoàn Ngọc Quỳnh Anh (SV) Vũ Bảo Anh Tuấn (SV) Phan Minh Đức (SV)	
28	267/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 08/11/2021 TR:2021-44/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Nâng cao hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) - Chi nhánh Đồng Nai	Trần Thị Minh Thư	52/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 06/04/2022	17/04/2022	Đạt	Lê Thị Trang Trần Yến Thy (SV) Thạch Thị Mỹ Nhi (SV) Phạm Hoàng Tuấn Anh (SV)	

2.3.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Huệ (2019), 'Ứng dụng e-learning dạy học theo dự án (PBL) cho học phần quản trị dự án đầu tư', <i>Hội thảo cấp trường</i>	
2	Nguyễn Thị Huệ (2019), 'Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng hiệu quả trong bối cảnh hội nhập', <i>Hội thảo cấp trường</i> .	
3	Nguyễn Thị Huệ (2019), 'Thực trạng và kiến nghị giải pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty TNHH Phúc Hiền Hòa', <i>Kỳ yếu HNKHSV3</i> .	
4	Nguyễn Hữu Dũng (2019), 'Giải pháp phát triển công nghiệp chế biến cà phê tại Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk đến 2020', <i>Hội thảo cấp quốc gia</i> .	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
5	Lương Huỳnh Anh Thư (2019), 'Kế toán vốn bằng tiền và phải thu của khách hàng, phải trả cho người bán tại Bưu Điện tỉnh ĐN', Kỷ yếu HNKHSV3.	
6	Nguyễn Hoàng Hưng (2019), "Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua phần mềm Kế toán của các doanh nghiệp tại TP.HCM", Tạp chí Khoa học Quản lý & Công nghệ.	
7	Phạm Thị Linh (2019), 'Nghiên cứu công tác kế toán công nợ tại công ty cổ phần nhựa Đồng Nai', Kỷ yếu HNKHSV3.	
8	Phạm Thị Linh (2019), 'Tình hình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và một số giải pháp kiến nghị nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty TNHH Nệm Việt Nhật', Kỷ yếu HNKHSV3.	
9	Bùi Thị Yên (2019), 'Những bài học của Amazon về kinh doanh trong thời đại 4.0', Hội thảo cấp trường.	
10	Nguyễn Thị Thanh Vân (2020), "Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch ở vườn quốc gia Cát Tiên", Hội thảo cấp quốc gia.	
11	Vũ Thị Thương (2020), 'Lý thuyết liên kết vùng trong phát triển du lịch sinh thái', Hội thảo cấp quốc gia.	
12	Phạm Thị Linh (2020), "Ứng dụng mô hình kế toán tinh gọn tại các doanh nghiệp", Tạp chí Công thương.	
13	Phạm Thị Linh (2020), 'The situation of accounting of costs and determining business results, some recommendations to improve business efficiency at Cap Duc Tin one member co., ltd', Hội nghị cấp trường.	
14	Phạm Thị Linh (2020), 'Tình hình kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, một số giải pháp kiến nghị nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Mtv Giao Nhận Thanh Thảo', Hội nghị cấp trường.	
15	Phạm Thị Linh (2020), 'Tham luận công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Vận Tải Phúc Lợi Phát', Hội nghị cấp trường.	
16	Phạm Thị Linh (2020), 'Tình hình kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, một số giải pháp kiến nghị nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty TNHH Ho Do', Hội nghị cấp trường.	
17	Bùi Thị Yên (2020), 'Chiến lược marketing số (Digital Marketing) phát triển du lịch sinh thái tại tỉnh Đồng Nai', Hội thảo cấp quốc gia.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
18	Nguyễn Ngọc Mỹ (2020), 'Kỹ năng mềm trong thời đại 4.0 và hướng tiếp cận lồng ghép đào tạo kỹ năng mềm trong hoạt động giảng dạy đại học', Hội thảo có chi số.	
19	Lâm Hải (2020), "Tiềm năng và giải pháp trong việc phát triển du lịch sinh thái tại làng bưởi Tân Triều", Hội thảo cấp quốc gia.	
20	Nguyễn Thị Huệ (2020), "Sử dụng E-learning trong dạy học theo dự án học phần Quản trị dự án đầu tư", Tạp chí Giáo dục.	
21	Nguyễn Thị Huệ (2020), "Cơ sở lý luận của việc phát triển du lịch dựa trên liên kết vùng", Hội thảo cấp quốc gia.	
22	Lương Huỳnh Anh Thư (2020), 'Kế toán danh thu chi phí và xác định hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Tân Thái Bình', Hội nghị cấp trường.	
23	Nguyễn Thị Ngọc The (2022), "Nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Đồng Nai", Tạp chí Công thương.	
24	Lâm Hải (2022), 'A Study on NPAS and its Effects on Banks' Profitability, International Journal Of Marketing And Human Resource Management'.	
25	Lương Huỳnh Anh Thư (2022), "The importance of stock market intermediation", International Journal of Advanced Research in Management (IJARM)'.	
26	Đào Thị Hạnh (2022), "A Quality Financial Report: A Conceptual Analysis", International Journal Of Research In Vocational Studies (IJRVOCAS).	
27	Nguyễn Thị Huệ (2022), "The Role Of Financial Intermediaries In Emerging Economies", International Journal Of Marketing And Human Resource Management (IJMHRM).	
28	Đào Thị Hồng Nhung (2022), "An overview of financial literacy practice, research, and policy", International Journal Of Marketing And Human Resource Management (IJMHRM).	
29	Bùi Thị Yên (2022), "An overview of customers' benefits of joining mutual funds", International Journal of Advanced Research in Management (IJARM).	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
30	Trần Thị Huyền (2022), “Current Status And Solutions For Promoting Innovative Startup In Vietnam”, International Journal of Advanced Smart Convergence.	
31	Vũ Thị Thương (2022), “Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán tài sản cố định”, Tạp chí Công thương.	
32	Nguyễn Thị Hồng Ngọc (2022), “Thực trạng của hệ thống thông tin kế toán quản trị trong quá trình hội nhập quốc tế và một số giải pháp để hoàn thiện”, Tạp chí Công thương.	
33	Nguyễn Thị Thành (2022), “Một số ứng dụng của xác suất thống kê trong đời sống hằng ngày”, Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục.	
34	Phạm Thị Linh (2022), “The Industrial Revolution 4.0 Impact On Online Training In Private Universities In Vietnam”, 15th Neu-Kku International Conference Socio-Economic And Environmental Issues In Development, 2022.	
35	Phạm Thị Linh (2022), “The Impact Of Covid - 19 On Tourism Revenue: A Case Study In Dong Nai, And Hence Several Dong Nai Sustainable Development Suggestions After Pandemics”, International Research Journal Of Modernization In Engineering Technology And Science.	
36	Phạm Thị Linh (2022), ‘Sự Khác Nhau Về Khái Niệm Của Chuẩn Mục Kế Toán Việt Nam Và Chuẩn Mục Báo Cáo Tài Chính Quốc Tế’, Hội nghị KHSV 2022.	
37	Nguyễn Thị Thu Hoài (2022), “A Study On Global Foreign Direct Investment Trend And Pattern”, International Journal Of Advanced Research In Management (IJARM).	
38	Nguyễn Phương Anh (2022), “Ứng dụng tích phân trong một số ngành kỹ thuật”, Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục.	
39	Đỗ Thị Ngọc Dương (2022), “Tích hợp giảng dạy và thiết kế các hoạt động trong dạy học môn Vật lý”, Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục.	
40	Phạm Thị Hằng (2022), “Vận dụng nguyên lý phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin vào việc học tập của sinh viên trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai”, Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục.	
41	Nguyễn Thị Quý (2022), “Sự phát triển quan điểm về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường của các trường phái kinh tế và những hàm ý chính sách cho Việt Nam”, Tạp Chí Tài Chính Doanh Nghiệp.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
42	Nguyễn Thị Thành (2022), "Phương pháp dạy học "lấy người học làm trung tâm" tại Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai", Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục.	
43	Nguyễn Thị Hồng Ngọc (2022), 'Thay đổi công nghệ số cho người học tại trường Đại học Công nghệ Đồng Nai', Hội nghị KHSV 2022.	
44	Nguyễn Thị Kim Tín (2022), 'Hoàn thiện công tác đào tạo nguồn nhân lực tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh Chi Nhánh Hồ Nai', Hội nghị KHSV 2022.	
45	Nguyễn Thị Thu Thủy (2023), "A study of Herding Behavior on Vietnam Stock Market", Journal Of Economics, Finance And Accounting Studies.	
46	Nguyễn Thị Thành (2023), "Vận dụng thang BLOOM trong dạy học toán ứng dụng theo phương pháp phát vấn", Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục.	
47	Nguyễn Đức Ánh (2023), "Ứng dụng ngôn ngữ LuaLaTeX, soạn thảo bài giảng giải gần đúng phương trình phi tuyến, lời giải được tính toán tự động". Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục.	
48	Đỗ Thị Ngọc Dương (2023), "Xây dựng các bài kiểm tra đánh giá học phần Vật lý dựa vào chuẩn đầu ra", Tạp Chí Thiết Bị Giáo Dục	
49	Nguyễn Thị Hồng Ngọc (2023), "Nghiên cứu ứng dụng thông tin kế toán quản trị trong việc lập dự toán sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Minh Trí", Tạp chí Công thương.	
50	Nguyễn Thị Ngọc The (2023), "Study of Marketing Online by Digital Finance". Journal Of Economics, Finance And Accounting Studies.	
51	Lâm Hải (2023), "Analyzing the Measures of Credit Risk on Financial Corporation and Its Impact on Profitability", International Journal Of Research In Vocational Studies (IJRVOCAS).	
52	Đào Thị Hồng Nhung (2023), "Digital Accounting Systems (Dis): Concepts, Components And Roles In Business", International Journal Of Research In Vocational Studies (IJRVOCAS).	
53	Nguyễn Thị Quý (2023). "Vai trò kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN", Tạp Chí Tài Chính Doanh Nghiệp.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
54	Nguyễn Phương Liên (2023), “Effect of International Political Developments on the Vietnamese Stock Exchange”, Journal Of Finance And Accounting.	
55	Hà Vũ Khải (2023), “Investigating the Impact of Global Policy and Political Shifts on Vietnamese Businesses”, Journal Of Finance And Accounting.	
56	Nguyễn Chi Thảo (2023), “Tác động phát triển tài chính đến tăng trưởng kinh tế - bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia đang phát triển châu Á”, Tạp chí công thương.	
57	Nguyễn Phương Anh (2023), “Vai trò của thống kê trong lĩnh vực khoa học sức khỏe”, Tạp Chí Khoa Học Quản Lý & Công Nghệ.	
58	Lê Ngọc Dũng (2023), “Designing A Fuzzy Controller For Wall-Following Mobile Robot”, American Journal Of Sciences And Engineering Research.	
59	Phạm Thị Linh (2024), “A navigational risk evaluation of ferry transport: Continuous risk management matrix based on fuzzy Best-Worst Method”, PloS one.	
60	Nguyễn Hữu Thiện (2024), “Determinants of accounting information system effectiveness and moderating role of external consultants: Empirical research in the Ben Tre Province of Vietnam”, Heliyon.	
61	Trần Thị Kim Phụng (2024), “Exploring the Implementation and Obstacles of Sustainability Accounting Practices in Vietnamese SMEs”, Sustainability.	

2.4. Hợp tác quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

2.5. Hợp tác doanh nghiệp

Đến tháng 11 - 2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã duy trì và triển khai hoạt động kết nối doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, đồng thời mời các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn kiểm định các chương trình đào tạo. Trong năm học 2022 – 2023 đảm bảo 100% cho tất cả các sinh viên, học viên đi kiến tập, thực tập đáp ứng đúng tiến độ đào tạo của Nhà trường. Nhà trường hợp tác với hơn 600 doanh nghiệp, tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm và hướng nghiệp với khách mời là những doanh nhân thành công, phối hợp với doanh nghiệp huấn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên, học viên tham gia. Từ năm học 2018 -2019, Nhà trường đã thí điểm tăng cường thêm thời gian thực tập thực tế ngoài doanh nghiệp chưa tính thời gian thực tập cuối khóa cụ thể: khối ngành Kinh tế, Quản trị tăng thêm 2 tháng giúp người học tìm hiểu sâu hơn về ngành nghề đang theo học, tích lũy các kinh nghiệm và kiến thức thực tế, để sau khi tốt nghiệp cơ hội có việc làm cao hơn. Năm học 2022-2023, Nhà trường đã phối hợp cùng doanh nghiệp tổ chức 46 hội thảo cơ hội việc làm, nhận được 206.000.000 VNĐ tài trợ từ phía doanh nghiệp một phần đó trích ra làm quỹ học bổng cho sinh viên, học viên còn lại để tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên, học viên, tỷ lệ sinh viên, học viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là 95% (đợt khảo sát tháng 11/2022). Ngoài việc duy trì kết nối với các doanh nghiệp đã có, còn mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam lớn nhằm nâng cao chất lượng cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường trong tương lai.

Một số doanh nghiệp mà Khoa Kế toán – Tài chính hợp tác trong lĩnh vực Kế toán và Tài chính - Ngân hàng:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	HDBank Hồ Nai	A3-A8 KP5, P Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai
2	HDBank Trảng Bom	B4-B5, khu nhà ở Bắc, quốc lộ 1A, TT Trảng Bom, Huyện Trảng Bom
3	BIDV - PGD Quyết Thắng	197 Đường Hà Huy Giáp - Quyết Thắng- Biên Hòa - Đồng Nai
4	SHB Chi nhánh Đồng Nai	10 – 11 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 8 – Phường Tân Phong, BH, ĐN
5	BAC A BANK PGD Long Thành	280 Đường Lê Duẩn, Tổ 21, Khu Văn Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, ĐN.
6	Cty CP chứng khoán Rồng Việt	Tầng 8, toàn nhà TTP Plaza, đường Võ Thị Sáu, Quyết Thắng, BH, ĐN.
7	Ngân hàng Kiên Long Đồng Nai	184 Hà Huy Giáp, KP.1, P.Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai
8	TPBank Long Khánh	145 Hùng Vương, Phường Xuân Hòa, Long Khánh, Đồng Nai
9	Cty CP chứng khoán Rồng Việt	Tầng 8, toàn nhà TTP Plaza, đường Võ Thị Sáu, Quyết Thắng, BH, ĐN.
10	Công ty TNHH Xây dựng Trường An Thịnh	Số 08, Lô A10, KP 11, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
11	HTX Nông nghiệp Du lịch Thác Đá Hàn	Tổ 15, ấp 5, Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai
12	Công ty CP SX Bao Bì Công Nghiệp Toàn Cầu	547/60, KP.1, Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
13	Công ty CP Misa	92-94, Đường 9A, KDC Trung Sơn, Bình Hưng, Bình Chánh
14	Công ty TNHH CN9 Việt Nam	87 Nguyễn Thị Thập, Khu đô thị mới Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp.HCM

2.6. Chương trình đào tạo

2.6.1. Xây dựng CTĐT

Chương trình đào tạo gồm 60 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức chung là 10 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở là 08 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành là 27 tín chỉ, Chuyên đề nghiên cứu và Luận văn tốt nghiệp là 15 tín chỉ, đào tạo trong vòng 02 năm. Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ Thạc sĩ được xây dựng căn cứ theo:

- Luật 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội về việc ban hành Luật giáo dục đại học và Luật 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 260/QĐ-ĐHCNĐN ngày 23/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

- Quyết định số 355/QĐ-ĐHCNĐN ngày 10/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trong quá trình xây dựng, Chương trình đào tạo được tham khảo các chương trình của các trường Đại học trong và ngoài nước (liệt kê các trường đối sánh): Monash University; Macquarie University; Đại Học Ngân Hàng; và Đại Học Tôn Đức Thắng.

2.6.2. Thẩm định CTĐT:

Chương trình đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 23/10/2024

2.6.3. Điều kiện tuyển sinh, Dự kiến tuyển sinh trong 5 năm đầu, địa điểm đào tạo:

Nguồn tuyển :

Hiện nay, nguồn học viên có thể tham gia tuyển sinh vào chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng khá đông, bao gồm các đối tượng sinh viên đã tốt

ngành đại học chuyên ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai với số lượng tốt nghiệp trung bình hàng năm khoảng từ 250 đến 300 sinh viên. Bên cạnh là các sinh viên đã tốt nghiệp các chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Tài chính - Ngân hàng, và các ngành gần như Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Luật kinh tế vv... của các trường đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và cả nước.

Nguồn tuyển thứ hai đến từ các nhân viên của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Đồng Nai, tính đến cuối tháng 09/2023, trên địa bàn tỉnh có 60 chi nhánh của 42 ngân hàng, 34 quỹ tín dụng nhân dân, 5 chi nhánh tổ chức tài chính vi mô ...

Và trong bối cảnh đổi mới quản lý và vận hành ngành tín dụng nhằm đáp ứng hội nhập kinh tế số và các mạng công nghiệp 4.0, chắc chắn nhu cầu tham gia bậc học cao hơn của các nhân viên đến từ các tổ chức tín dụng nhằm nâng cao năng lực công nghệ và quản lý là tất yếu. Do vậy, đây cũng là đối tượng hướng đến của chương trình Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng của Khoa Kế toán – Tài chính, Trường đại học Công nghệ Đồng Nai.

Điều kiện tuyển sinh : Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: Ngành Tài chính - Ngân hàng dự kiến tuyển sinh là 20 sinh viên trong năm đầu tiên, 25 sinh viên ở năm thứ hai, và 30 sinh viên mỗi năm từ năm thứ ba.

Địa điểm đào tạo: Ngành sẽ đào tạo tại: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, số 206, đường Nguyễn Khuyến, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.6.4. Chuẩn đầu ra của CTĐT:

Kiến thức	
PLO 1: Vận dụng (Apply) kiến thức lý luận chính trị, triết học và phương pháp nghiên cứu trong quá trình học tập và thực hiện công việc liên quan.	PI1.1. Vận dụng (Apply) kiến thức lý luận chính trị, triết học trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện công việc. PI1.2. Vận dụng (Apply) phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn.

PLO 2: Kết hợp (Correlate) kiến thức về kinh tế, tài chính – ngân hàng để vận hành công việc chuyên môn và quản trị hoạt động của doanh nghiệp.	PI2.1. Tổng hợp (Synthesize) kiến thức về kinh tế, tài chính – ngân hàng để vận hành công việc chuyên môn tại doanh nghiệp PI2.2. Phân tích (Analyze) các mô hình và lý thuyết kinh tế, tài chính – ngân hàng có liên quan đến quản trị doanh nghiệp.
PLO 3: Đề xuất (Propose) các giải pháp cho các vấn đề đương đại trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng	PI3.1. Tổng hợp (Synthesize) các thông tin và dữ liệu của các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng PI3.2. Đề xuất (Propose) giải pháp cho các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trên cơ sở phân tích và đánh giá thông tin và dữ liệu.
Kỹ năng	
PLO 4: Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm để học tập, nghiên cứu và làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.	PI4.1. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu và làm việc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. PI4.2. Vận dụng (Apply) các kỹ năng mềm có được trong quá trình học tập các môn học chung, môn học chuyên ngành để ứng dụng trong công việc thực tiễn và trong nghiên cứu.
PLO 5: Tổ chức (Organize) các hoạt động chuyên môn và quản lý doanh nghiệp.	PI5.1. Thực hiện (Perform) công tác tài chính và quản lý tại doanh nghiệp PI5.2. Cải tiến (Develop) hoạt động chuyên môn và quản lý tại doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá hoạt động của doanh nghiệp.
PLO 6: Thiết kế (Design) nghiên cứu mang tính ứng dụng phục vụ cho học tập và công việc chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng	PI6.1. Xây dựng (Build) mô hình nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng PI6.2. Xác định (Specify) phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 7: Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường phát triển đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.	PI7.1. Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường phát triển đa văn hóa. PI7.2. Hình thành (Perform) ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.

2.6.5. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

HỌC KỲ 1						
STT	Mã MH	Môn học	Môn học bắt buộc	Môn học tự chọn	Số tín chỉ	HK
1	CB80101	Triết học	BB		4	1
2	CB80201	Phương pháp NCKH	BB		3	1
3	TA80301	Tiếng Anh B2	BB		3	1
4	TC80001	Phương pháp định lượng trong tài chính	BB		3	1
5	TC80002	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	BB		3	1
6	TC80003	Phân tích tài chính và mô hình tài chính	BB		2	1
		TỔNG CỘNG			18	
HỌC KỲ 2						
STT	Mã MH	Môn học	Môn học Bắt Buộc	Môn học tự chọn	Số tín chỉ	HK
7	TC80004	Hệ thống thông tin tài chính	BB		3	2
8	TC80005	Quản trị rủi ro tài chính nâng cao	BB		3	2
9	TC81001	Tài chính doanh nghiệp nâng cao		TC	3	2
10	TC81002	Tài chính quốc tế nâng cao		TC	3	2
11	TC81004	Ngân hàng quốc tế		TC	3	2

STT	Mã MH	Môn học	Môn học Bắt Buộc	Môn học tự chọn	Số tín chỉ	HK
12	TC81005	Thẩm định dự án nâng cao		TC	3	2
13	TC81006	Phân tích dữ liệu và dự báo		TC	3	2
14	TC81003	Pháp luật về Tài chính ngân hàng		TC	3	1
		TỔNG CỘNG			12	
HỌC KỲ 3						
STT	Mã MH	Môn học	Môn học Bắt Buộc	Môn học tự chọn	Số Tín chỉ	HK
15	TC80006	Đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư	BB		3	3
16	TC80007	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	BB		3	3
17	TC81007	Tài chính phái sinh		TC	3	3
18	TC81008	Tài chính hành vi		TC	3	3
19	TC81009	Sáp nhập và hợp nhất doanh nghiệp		TC	3	3
20	TC81010	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ		TC	3	3
21	TC81011	Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh		TC	3	3
22	TC81012	Định giá doanh nghiệp		TC	3	3
23	TC81013	Marketing dịch vụ tài chính-ngân hàng		TC	3	3
24	TC81014	Công nghệ Tài chính		TC	3	3
25	TC81015	Đạo đức kinh doanh		TC	3	3
		TỔNG CỘNG			15	
HỌC KỲ 4						
STT	Mã MH	Môn học	Môn học Bắt Buộc	Môn học tự chọn	Số Tín chỉ	HK
26	TC80008	Chuyên đề nghiên cứu	BB		3	4
27	TC80009	Luận văn tốt nghiệp	BB		12	4
		TỔNG CỘNG			15	

2.7. Biên bản thông qua của Hội đồng Khoa học và đào tạo:

Đề án đã được Hội đồng khoa học và đào tạo trường thông qua (Biên bản kèm theo tại phụ lục của đề án)

2.8. Kế hoạch mua sắm Trang thiết bị, Giáo trình

❖ Kế hoạch mua sắm trang thiết bị:

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Học phần	Kế hoạch trang bị	Ghi chú
1	Quầy tiếp tân	Việt Nam	2	Cái	1.Phương pháp định lượng trong tài chính 2.Phân tích tài chính và mô hình tài chính 3.Phân tích dữ liệu và dự báo 4.Đầu tư tài chính và quản lý danh mục đầu tư 5.Công nghệ Tài chính	2024-2025	
2	Điện thoại để bàn - Panasonic KX TS500	Việt Nam	4	Cái		2024-2025	
3	Máy in - Brother DCP-B7535DW Wifi	Việt Nam	2	Cái		2024-2025	
4	Màn hình lớn xung quanh. Samsung 4K 65 inch UA65AU7002	Việt Nam	4	Cái		2024-2025	
5	Máy đóng lò xo – Deli 3872	Việt Nam	2	Cái		2024-2025	
6	Bộ phát Wifi - Router Wifi Chuẩn AC2350 Xiaomi Mi Aiot	Việt Nam	2	Cái		2024-2025	
7	Máy đếm tiền - OUDIS 3300C	Việt Nam	2	Cái		2024-2025	
8	Máy Bó Tiền LDA Nhập Khẩu	Việt Nam	2	Cái		2024-2025	
9	Bàn cắt giấy-BOSSER GD-04 A4	Việt Nam	2	Cái		2024-2025	
10	Dụng cụ báo lỗi hồ sơ - Bấm 1 lỗi KW TRIO 097A0	Việt Nam	4	Cái			

❖ Kế hoạch mua sắm giáo trình:

Với nguồn tài liệu sẵn có và sự hỗ trợ từ phía thư viện của nhà trường nên đã đáp ứng hoàn tất giáo trình học liệu. Ngoài ra, trong quá trình triển khai CTĐT nếu cần cung cấp thêm giáo trình mới Khoa sẽ làm Phiếu bổ sung tài liệu và thư viện trường sẽ hỗ trợ đề xuất mua đáp ứng tùy tình hình thực tế.

2.9. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành

đào tạo

TT	Năm học	Số lượng Giảng viên		Số lượng Sinh viên	Kế hoạch tuyển dụng/Phát triển
		Toàn thời gian	Cơ hữu/Thỉnh giảng		
1	2025 - 2026	12	Cơ hữu	20	0
2	2026 - 2027	12	Cơ hữu	25	1
3	2027 - 2028	13	Cơ hữu	30	1
4	2028 - 2029	14	Cơ hữu	30	1

2.10. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Rủi ro tuyển sinh: Tuyển sinh là một trong những mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng của một trường đại học. Tuy nhiên, trên thực tế một số rủi ro có thể gặp phải liên quan đến tuyển sinh như: không tuyển đủ chỉ tiêu, dừng chương trình đào tạo do 3 năm liên tiếp không tuyển sinh được.

Phòng ngừa và giải pháp: Để đảm bảo tốt công tác tuyển sinh, Nhà trường cần xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm cụ thể, rõ ràng và đẩy mạnh chiến lược truyền thông và tuyển sinh về chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng cho các đối tượng khác nhau trong xã hội có nhu cầu học tập, trong đó, hướng đến đối tượng là cựu người học của Trường đại học Công nghệ Đồng Nai và một số trường đại học trên địa bàn. Đội ngũ tham gia tư vấn, quảng bá tuyển sinh cần nắm vững thông tin chương trình, hỗ trợ các thủ tục có liên quan đến công tác đăng ký để tham gia chương trình chương trình và lớp học.

Rủi ro trong vận hành: Vấn đề này thường xảy ra là do việc thay đổi các quy định, quy chế đào tạo của trường xuất phát từ những thay đổi, điều chỉnh quy định, quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như những thay đổi trong các quy định, quy chế của trường trong từng giai đoạn. Và rủi ro liên quan đến thay đổi nhân sự quản lý chương trình đào tạo, thay đổi vị trí công tác...

Phòng ngừa và giải pháp: Các quy định, quy chế đào tạo thay đổi, điều chỉnh theo hướng chỉ vận dụng đối với khóa tuyển sinh sau khi quy định, quy chế có hiệu lực. Trường hợp các thay đổi, điều chỉnh cần áp dụng cho các khóa đang đào tạo, Nhà trường sẽ thông báo cụ thể đến người học trước khi thực hiện, được công bố công khai trên hệ thống truyền thông của trường và có hướng dẫn, tư vấn để các nội dung thay đổi, điều chỉnh được triển khai thuận tiện.

Để giảm thiểu rủi ro liên quan đến thay đổi nhân sự, nhà trường tiếp tục triển khai nhiều cơ chế để thu hút và duy trì sự gắn bó của nhân sự như nâng cao chế độ phúc lợi, tạo điều kiện tốt để nhân sự an tâm công tác, gắn bó lâu dài, phát huy năng lực cá nhân và tính trách nhiệm.

Rủi ro học viên bỏ học hoặc học trễ tiến độ: học viên có thể bỏ học hoặc học trễ tiến độ do các thủ tục trong quản lý, tổ chức giảng dạy hoặc lý do cá nhân

Phòng ngừa và giải pháp: để hạn chế việc bỏ học hoặc trễ tiến độ của người học, nhà trường cần xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với người học; đảm bảo đội ngũ giảng viên giỏi; thực hiện tốt và hiệu quả công tác chăm sóc và hỗ trợ người học; các quy định thủ tục hành chính đơn giản và thuận tiện, nhanh chóng.

Rủi ro trong trường hợp ngành đào tạo bị đình chỉ: do không đáp ứng được các yêu cầu quy định theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giải pháp:

- **Đối với người học:** Trường có biện pháp hỗ trợ để người học tiếp tục học tập cho tới khi hoàn thành chương trình đào tạo theo như cam kết giữa trường và người học, thông qua việc nhà trường tiếp tục cung ứng khóa học, kết quả khóa học và hỗ trợ cho người học không bị thay đổi trong quá trình giảng dạy. Những học đang theo học thì khóa học vẫn được tạo điều kiện để hoàn tất chương trình. Đối với học viên đang trong giai đoạn làm luận văn sẽ tiếp tục làm việc với giảng viên hướng dẫn để hoàn tất. Trong trường hợp học viên chuyển qua học tại các cơ sở đào tạo khác (các cơ sở đào tạo chấp nhận chuyển tiếp tín chỉ) và được xét công nhận hoàn tất học phần, tích lũy tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.

- **Đối với các bên liên quan:** Các bên liên quan như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước hay các đối tượng trong phạm vi nghiên cứu của các luận văn, Nhà trường có xây dựng chính sách bảo mật, lưu giữ thông tin để không gây hậu quả cho đối tượng liên quan. Các đối tượng nghiên cứu của các luận văn được thông báo về chính sách bảo mật thông tin và được yêu cầu xác nhận. Công tác bảo mật được nhà trường xây dựng theo quy định lưu trữ

văn bản theo Quyết định số 1032/QĐ-BNV ngày 01/12/2020 Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của Bộ Nội vụ.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ website: <https://dntu.edu.vn//>

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó: trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin học viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hằng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho học viên biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai kính đề nghị được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ Thạc sĩ - mã ngành 8340201 kể từ năm 2025.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT
- HĐT, BGH
- Lưu: P.SDH, KKTTC



TS. Nguyễn Thuý Lan Chi